

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2021/HC-PT**

Ngày: 10/5/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Nguyễn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 126/2021/TLPT-HC ngày 07 tháng 01 năm 2021, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1103/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị T; sinh năm 1933; địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị (đã chết).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:*

- Ông Lê Văn Q; sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị- Vắng mặt.

- Ông Lê Văn A; sinh năm 1961; địa chỉ: Số 108/7, đường L, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị- Có mặt.

- Ông Lê Văn Đ2; sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị- Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H; sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị- Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H1; sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị- Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:*

- Ông Lê Văn A; địa chỉ: Số 108/7, đường L, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị - Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020*) - Có mặt.

- Ông Võ Ngọc M; địa chỉ: Số 04, đường B, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị - Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020*) - Có mặt.

- Bà Mai Thị Tuyết N; địa chỉ: Số 04, đường B, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị - Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020*) - Vắng mặt.

\* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ trụ sở: Số 01 đường H1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Phạm Văn D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố Đ1 - Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020*) - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Bà Nguyễn Thị H2 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đ1- Vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ1, địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Anh Q1 – Cán bộ địa chính – xây dựng, Ủy ban nhân phường Đ, thành phố Đ1 - Là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 341/QĐ-UBND ngày 25/9/2020*) - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Người kháng cáo:** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện là các ông bà Lê Văn Q, Lê Văn A, Lê Văn Đ2, Lê Thị H và Lê Thị H1.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T trình bày:*

Vợ chồng ông Lê Văn D1 và bà Hoàng Thị T từ lâu đã canh tác, sinh sống trên thửa đất tại thôn A1, xã C, quận C1 (*nay là Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1*). Ngày 5/10/1956 tại quyền “*Tạm bộ điền thổ*” của thôn A1, xã C được Quận trưởng (*chế độ cũ*) quận C1 chứng nhận thửa đất của gia đình bà được ghi ở số thứ tự 184 là nương ông D1. Ngày 24/12/1998, UBND phường Đ xác nhận nguồn gốc

đất trên được gia đình bà sử dụng từ năm 1956, được chính quyền quận C1 của chế độ cũ cấp trong sổ “*Tạm bộ điền thổ*” của làng. Ngày 26/7/2018 các hộ liên kề và Trưởng làng cũng ký tên xác nhận việc này là có thực.

UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 412/QĐ-UB ngày 29/3/1990 và Quyết định 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 thu hồi một phần đất để xây dựng đường dẫn vào cầu Đ1, từ ngã Tư S đến Bắc cầu Đ1, trong đó có thu hồi một phần đất của gia đình bà Hoàng Thị T đang sử dụng để xây dựng mương thoát nước nối với cống thoát nước được xây dựng ngang qua đường Quốc lộ 1A. Khi thu hồi, Nhà nước không bồi thường cho người bị thu hồi một phần diện tích đất tương ứng theo quy định của Luật Đất đai. Phần đất này đo được là 92m<sup>2</sup> tại thửa số 243/1, tờ bản đồ số 40 ở Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1.

Từ khi thu hồi đất đến nay, Nhà nước để trống không xây dựng công trình phục vụ cho an ninh quốc phòng hay kinh tế xã hội gì trên diện tích đất đó. Ngày 09/9/2016, UBND thành phố Đ1 có Thông báo số 115/TB-UBND đưa diện tích đất trên vào quỹ đất dự trữ, bố trí tái định cư để làm thủ tục bán đấu giá, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T.

Bà T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường Đ, Chủ tịch UBND phường Đ không chấp nhận đơn khiếu nại theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 30/3/2018. Sau đó, bà T gửi đơn khiếu nại Chủ tịch UBND thành phố Đ1. Ngày 29/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố Đ1 ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn A (là người đại diện theo ủy quyền của bà T) và không chấp nhận đơn khiếu nại. Sau đó bà T làm đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Quảng Trị.

Tại Bản án số 09/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tuyên hủy Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Lê Văn A do vi phạm trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại.

Sau khi Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 bị hủy, thì đến ngày 21/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ1 ra Quyết định số 154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T (lần 2), có nội dung bác khiếu nại của bà Hoàng Thị T về việc khiếu nại cho rằng: Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường Đ về việc tự quy chủ sử dụng thửa đất số 243/1, tờ bản đồ 40 là hành vi hành chính trái với Luật Đất đai, làm ảnh hưởng tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Không đồng ý với Quyết định trên, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trả lại bằng cách công nhận quyền sử

dụng diện tích đất khoảng 92m<sup>2</sup> tại thửa số 243/1, tờ bản đồ số 40, ở Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1 cho bà T, cụ thể:

- Phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Kim H2;
- Phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Văn D2;
- Phía Đông Nam giáp đất ông Khương Trung S1;
- Phía Đông Bắc giáp đường L1.

*\*Người bị kiện - Chủ tịch UBND thành phố Đ1 trình bày:*

Quyền “*Tạm bộ điền thổ*” của thôn A1 không phải là một trong những giấy tờ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 15 của Thông tư 02/2015 ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong quyền “*Tạm bộ điền thổ*” cũng không có vị trí, sơ đồ cụ thể.

Năm 1990, Nhà nước đã thu hồi đất để xây dựng đường Quốc lộ 1A – đường dẫn vào cầu Đ1 (theo *Quyết định số 412/QĐ-UB ngày 29/3/1990 và Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh*). Theo đó, đã thu hồi một phần diện tích đất toàn tuyến dài 02 km từ ngã tư S đến Bắc cầu Đ1. Tại vị trí thửa đất bà T đang khiếu nại (*một phần thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40 do Công ty TNHH một thành viên tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập năm 2016*) có xây dựng một cống thoát nước ngang qua.

Việc thu hồi diện tích đất dài 2km để thực hiện dự án Quốc lộ 1A, nhưng quyết định không ghi cụ thể thu hồi đất của từng hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất diện tích bao nhiêu. Lúc đó, đất bà T cũng chưa có một loại giấy tờ theo quy định của luật đất đai, chưa thể hiện được đất của bà T có diện tích bao nhiêu, sơ đồ, vị trí như thế nào. Vì vậy, UBND thành phố Đ1 không xác định được vị trí thửa đất thu hồi của bà Hoàng Thị T vì UBND thành phố Đ1 không lưu giữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và trước năm 1993 việc quản lý đất đai tại UBND phường Đ chưa có sổ mục kê, bản đồ địa chính và sổ đăng ký ruộng đất. Bà T cũng không chứng minh được là đất mình có bị thu hồi không, thu hồi bao nhiêu mét vuông, không cung cấp được một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Năm 1996, khi thực hiện dự án khôi phục Quốc lộ 1 đoạn Vinh – Đ1 thì đã thu hồi 120m<sup>2</sup> đất của bà T (*tại bản kiểm kê tổng hợp ngày 10/8/1996 thu hồi đất của bà T 120m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 480m<sup>2</sup>, sau khi thu hồi thì đất bà T còn lại 360m<sup>2</sup>*). UBND thành phố Đ1 không lưu giữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ.

Năm 1998, bà T được Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 546m<sup>2</sup> (*sau khi đo đạc cấp diện tích đất trên thực tế sử dụng, trước đó theo giấy tờ thì bà T chỉ có 360m<sup>2</sup>, nhưng khi đo đạc thực tế thì tăng lên 546m<sup>2</sup>*), không bao gồm diện tích đang khởi kiện và tại bản đồ giao đất cho bà T thể hiện cống thoát nước giáp đất bà T được giao. Khi được cấp GCNQSD đất thì

hộ bà T cũng không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Như vậy, đất của bà T được cấp GCNQSD đất là giáp với cống thoát nước chứ không phải cống thoát nước nằm trong đất của bà T. Qua kiểm tra, xác minh và đối chiếu với hồ sơ quản lý đất đai có liên quan đều thể hiện thửa đất của bà T là phía Tây Bắc giáp với cống thoát nước.

Việc Chủ tịch UBND phường Đ thay mặt UBND phường Đ ký vào nội dung Người sử dụng đất (*tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất số 243/1, tờ bản đồ số 40 do Công ty TNHH một thành viên tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập năm 2016*) là đúng quy định theo khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai 2013.

UBND thành phố Đ1 thụ lý, xem xét giải quyết khiếu nại (*lần 2*) đối với khiếu nại của bà T đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại và pháp luật có liên quan. Kết quả giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 đảm bảo khách quan và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị T, đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của bà T.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường Đ trình bày ý kiến:*

Thực tế bà T không có một tài liệu chứng cứ gì để chứng minh diện tích 92m<sup>2</sup> đất nói trên gia đình bà T đã sử dụng hợp pháp trước năm 1990. Còn từ năm 1990 đến nay (*hơn 30 năm*), trên thực tế lô đất đó do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý (*đất công*). Quyền “*Tạm bộ điền thổ*” không phải là một loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013, và trong quyền “*Tạm bộ điền thổ*” cũng không thể hiện sơ đồ, vị trí và diện tích mét vuông đất. Cho nên, không có căn cứ để cho rằng bà T sử dụng lô đất đó từ trước năm 1990. Vì vậy, không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị T, đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của bà T.

*- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị có văn bản số 2278/STNMT-QLDD ngày 15/7/2019 trả lời như sau:*

Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định giấy tờ về “*Quyển tạm bộ điền thổ*” theo quy định điểm e khoản 1 Điều 100 Luật đất đai và khoản 1 Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/1/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*- Sở xây dựng tỉnh Quảng Trị có văn bản trả lời số 1116/SXD-HTKT ngày 17/7/2019 như sau:*

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khiếu nại của bà Hoàng Thị T; trú tại: Khu phố 1, phường Đ, Đ1 về thu hồi đất xây dựng cầu Đ1 quốc lộ 1A,

tỉnh Quảng Trị. Do hồ sơ lưu trữ thời gian dài, quá trình hoạt động của cơ quan có sự chia tách về nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nên hồ sơ, tài liệu liên quan không lưu trữ.

- *Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị có văn bản trả lời số 1780/SGTVT-QLDA ngày 18/7/2019 như sau:*

Sở giao thông vận tải cung cấp hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng của bà Hoàng Thị T để xây dựng công trình cầu Đ1, Quốc lộ 1A, tỉnh Quảng Trị như sau:

- Về áp dụng chế độ đền bù giải phóng mặt bằng của dự án cầu Đ1 thực hiện theo Luật đất đai năm 1987. Dự án cầu Đ1 chỉ đền bù nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu cây cối, không đền bù đất (Theo Luật đất đai thời điểm đó (1987) thì khi thu hồi đất vào mục đích công, Nhà nước chỉ bồi thường hoa màu, tài sản trên đất, mà không bồi thường giá trị về đất).

- Đối với công tác đền bù giải phóng mặt bằng của bà Hoàng Thị T:

+ Về thu hồi đất: Dự án có thu hồi đất của bà Hoàng Thị T; trú tại xã Cam Giang, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Trị.

+ Về công tác đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình cầu Đ1 đối với bà Hoàng Thị T: Dự án chỉ đền bù nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu cây cối. Không đền bù về đất.

+ Tổng cộng giá trị đền bù giải phóng mặt bằng của bà Hoàng Thị T lúc đó là: 5.644.020 đồng. Ngày 31/12/1990, Ban quản lý dự án đã chi tiền cho bà Hoàng Thị T tại phiếu chi số 175.

Về diện tích thu hồi cụ thể bao nhiêu, vị trí thu hồi, sơ đồ và danh sách thu hồi đất, Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị không có tài liệu để cung cấp.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 345, 348, của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 18, Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại; Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Đất đai; khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy

Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trả lại bằng cách công nhận quyền sử dụng diện tích đất là 92m<sup>2</sup> tại thửa số 243/1, tờ bản đồ số 40 tại Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị cho bà T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/10/2020, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện là các ông bà Lê Văn Q, Lê Văn A, Lê Văn Đ2, Lê Thị H và Lê Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

[1] Theo lời khai của của bà Hoàng Thị T cùng những kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T thì diện tích đất 92m<sup>2</sup> thuộc thửa 243/1, tờ bản đồ số 40 phường Đ mà bà Hoàng Thị T (*chồng là Lê Văn D1*) đang khởi kiện được gia đình bà sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1975; diện tích 92m<sup>2</sup> đất này là phần đất giáp ranh giữa vườn bà T với vườn bà Nguyễn Thị Q2 (*Quơ*) được gia đình bà T sử dụng trồng cây và đào một ao để thoát nước, ngăn rễ cây.

Đến năm 1990, Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Quốc lộ 1A (*theo Quyết định số 412/QĐ-UB ngày 29/3/1990 và Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh*) đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình bà T (*nay là phần đường nhựa đang sử dụng*); do xây dựng cống bằng ngang qua đường Quốc lộ 1A và chính quyền địa phương không cho ai sử dụng phần đất nối hai đầu cống (*trong đó có phần diện tích đất diện tích đất 92m<sup>2</sup> bà T đang khiếu nại*) nên gia đình bà T không thể tiếp tục sử dụng và để trống cho đến nay.

Lời khai của bà T cũng lời khai của những kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T nêu trên phù hợp với nội dung ghi nhận tại quyền “*Tạm bộ điền thổ*” ngày 5/10/1956 của thôn A1, xã C được Quận trưởng (*chế độ cũ*) quận C1 chứng nhận thửa đất của gia đình bà T được ghi ở số thứ tự 184 là nương ông D1; phù hợp nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 24/12/1998 do gia đình bà sử dụng từ năm 1956, được chính quyền quận C1 (*chế độ cũ*) cấp trong

sổ “*Tạm bộ điền thổ*” của làng; phù hợp với lời xác nhận của các hộ liên kề, các bậc cao niên và trưởng làng ngày 26/7/2018 và phù hợp với lời khai của ông Hoàng Hữu K (*Khu phố trưởng khu phố 1*), ông Hoàng Hữu T1 (*Biên bản đối thoại ngày 16/01/2020*), lời khai xác nhận của ông Hoàng Kim T2 về việc mương thoát nước là của gia đình bà T quản lý sử dụng và làm ranh giới giữa vườn bà T với vườn bà Nguyễn Thị Q2 (*Quơ*): “*Ranh giới vườn bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị Q2 là một hàng tre. Theo tập quán của địa phương giữa ranh giới vườn có đào một hào sâu vừa thoát nước vừa khỏi để rễ tre ăn ra đất vườn*”, “*mương thoát nước trước đây là ao để chống tre lấn vào vườn*” và “*Mương thoát nước trước đây nằm giữa hai gia đình ông D1 và bà Quơ, tức là mương thoát nước trên của hai gia đình...*”.

Như vậy, có căn cứ xác định ranh giới giữa vườn bà T với vườn bà Nguyễn Thị Q2 là một mương (*hố*) thoát nước tồn tại từ trước năm 1975 cho đến năm 1990; khi thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A đã quy hoạch thành mương thoát nước của công thoát nước Quốc lộ 1A (*trong đó có phần diện tích đất 92m<sup>2</sup> bà T đang khiếu nại*).

Lời khai của bà T, của những người làm chứng và xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 24/12/1998 nêu trên, thể hiện diện tích thửa 243/1, tờ bản đồ số 40 được quy hoạch thành mương thoát nước vào năm 1990 là diện tích đất của gia đình bà T và gia đình bà Nguyễn Thị Q2 quản lý, sử dụng nhưng Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 23/5/2018 của UBND phường Đ tuy thừa nhận mương thoát nước có từ trước năm 1975 và đến năm 1990, thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A quy hoạch thành mương thoát nước nối với công thoát nước Quốc lộ 1A nhưng cho rằng là mương thoát nước chung của một số hộ dân: “*Từ trước năm 1975 đã có hệ thống mương thoát nước qua các vườn ông Lê Văn D1, Hoàng Thị T...thực hiện việc đo đạc lại đất đai thì một số hộ đã quy chủ vào phần đất sử dụng của gia đình. Riêng mương thoát nước qua nhà bà Hoàng Thị T và ông Hoàng D1 vẫn được giữ nguyên và đến năm 1990 thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A đã quy hoạch mương thoát nước.*” là chưa phù hợp và chưa đủ căn cứ.

Bên cạnh đó, tại biên bản đối thoại ngày 16/01/2020 của UBND thành phố Đ1; ý kiến của tổ xác minh (ông Trương Văn T3- Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi Trường) nêu rõ việc không công nhận hồ sơ 299/TTg của phường Đ: “*Liên quan đến hồ sơ 299/TTg của phường: Trước đây, do quá trình đo đạc lập hồ sơ chưa đảm bảo nên chưa được công nhận theo quy định*”. Như vậy, UBND phường Đ đã có lập hồ sơ 299/TTg và hồ sơ này có thể hiện mương nước chung của các hộ dân hay là mương nước tự phát của từng hộ và lý do vì sao không quy chủ



mương nước này vào phần đất của gia đình bà Quơ, bà T và không công nhận hồ sơ 299/TTg của phường Đ lập, chưa được thu thập tài liệu; làm rõ.

[2] Mặt khác, tại Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại của Tổ xác minh UBND thành phố Đ1 ngày 26/6/2018 (theo Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1) cho thấy thời điểm thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A đã mở rộng mương thoát nước giữa hai gia đình bà T và gia đình bà Q2 (bà Q2 là mẹ của ông Hoàng Hữu H3, ông H3 đi nơi khác chuyển giao đất cho bà Hoàng Thị H4): “Đến năm 1990, khi thực hiện dự án mở đường Quốc lộ 1A đã đã **mở rộng** mương thoát nước giữa hai gia đình bà Hoàng Thị T và gia đình bà Hoàng Thị H4 trên cơ sở mương cũ” (UBND phường Đ- người bị khiếu nại khẳng định tại Biên bản làm việc ngày 16/5/2018); nội dung của báo cáo ngày 26/6/2018 nêu trên phù hợp nội dung lời khai ngày 24/5/2018 của Ban cán sự khu phố và một số hộ dân cho biết mương nước (cũ) giữa đất bà T, bà Q2 (Quơ) có chiều rộng 1m-1,5m : “Trước đây mương nước có chiều rộng khoảng 1m đến 1,5m. Sau khi mở rộng Quốc lộ 1A được mở rộng thêm” (Do tổ xác minh thu thập ngày 24/5/2018). Đối chiếu chiều rộng của quy hoạch mương thoát nước theo dự án mở đường Quốc lộ 1A và chiều rộng của thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40 thì chiều rộng theo quy hoạch được mở rộng thêm so với mương nước cũ là 4,92m-5,42m. Phần diện tích đất được quy hoạch mở rộng thêm này (4,92m-5,42m) là của ai, do ai quản lý sử dụng và có phải bà T là người đang sử dụng không; người bị kiện cho rằng mương thoát nước nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và là đất thủy lợi do Nhà nước quản lý là không phù hợp; vì:

+ Thời điểm bà T kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40 là đất quy hoạch mương thoát nước theo dự án mở đường Quốc lộ 1A năm 1990 và theo lời khai của bà T thì chính quyền địa phương không cho ai sử dụng phần đất nổi hai đầu cống (trong đó có phần diện tích đất diện tích đất 92m<sup>2</sup> bà T đang khiếu nại); Chứng chỉ quy hoạch của Sở xây dựng tỉnh Quảng Trị ngày 02/7/1998 chỉ cấp phép cho bà T diện tích đất nằm ngoài phần diện tích đất quy hoạch mương thoát nước năm 1990.

+ Bản đồ địa chính năm 2001 là căn cứ để người bị kiện xác định là đất thủy lợi do Nhà nước quản lý nhưng bản đồ này được lập sau khi có quy hoạch mương thoát nước theo dự án mở đường Quốc lộ 1A năm 1990.

+ Không có tài liệu khác chứng minh diện tích đất của thửa đất 243/1, tờ bản đồ số 40, do Nhà nước quản lý trước thời điểm lập dự án mở đường Quốc lộ 1A năm 1990.

[3] Bên cạnh đó, Quyết định số 412/QĐ-UB và Quyết định số 413/QĐ-UB ngày 29/3/1990 của UBND tỉnh Quảng Trị thu hồi đất là để xây dựng đường dẫn

vào cầu Đ1; Quyết định 1334/QĐ-UB và Quyết định 1340/QĐ-UB ngày 14/12/1990 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thu hồi đất hai bên tuyến Quốc lộ 1A và giao đất để nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A (*địa điểm từ ngã Tư S đến Bắc cầu Đ1*) là thu hồi một phần diện tích đất toàn tuyến có chiều dài 02 km từ ngã tư S đến Bắc cầu Đ1 và chiều rộng là 20m giáp với khu dân cư; không thể hiện việc thu hồi phần diện tích đất quy hoạch xây dựng cống thoát nước mà bà T khởi kiện và trên thực tế thì diện tích đất đất 92m<sup>2</sup> mà bà T đang khởi kiện này nằm sâu vào trong diện tích đất đã bị thu hồi là đường. Các tài liệu do bị đơn cung cấp và hồ sơ bồi thường có tại hồ sơ vụ án không đủ cơ sở xác định diện tích đất 92m<sup>2</sup> thuộc thửa 243/1, tờ bản đồ số 40 đã bị thu hồi và tài sản trên đất đã được bồi thường.

Trường hợp bà Hoàng Thị T là người quản lý, sử dụng diện tích đất 92m<sup>2</sup> thuộc thửa 243/1, tờ bản đồ số 40 từ trước năm 1975 cho đến năm 1990 (*thời điểm thực hiện dự án thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A*); diện tích đất này chưa bị thu hồi và tài sản trên đất chưa được bồi thường thì bà T được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật đất đai; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

[4] Việc Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và Chủ tịch UBND phường Đ căn cứ vào việc bà T được Nhà nước giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 không bao gồm diện tích đang khởi kiện; sau khi được cấp GCNQSD đất thì hộ bà T không có khiếu nại và căn cứ vào Bản đồ địa chính năm 2001 xác định là đất thủy lợi do Nhà nước quản lý để không công nhận khiếu nại của bà Hoàng Thị T là chưa đủ cơ sở, chưa làm rõ quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất bị khiếu nại và chưa phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[5] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị T; sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại án phí sơ thẩm và do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Lê Văn Q, Lê Văn A, Lê Văn Đ2, Lê Thị H và Lê Thị H1 và sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại; Điều 100, 101 Luật Đất đai 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị và hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

2. Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị và Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị tiến hành thực hiện việc giải quyết khiếu nại lại đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị T (*diện tích đất là 92m<sup>2</sup> tại thửa số 243/1, tờ bản đồ số 40 tại Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị*) theo quy định của Luật khiếu nại.

3. Về án phí:

- Chủ tịch UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Các ông và bà Lê Văn Q, Lê Văn A, Lê Văn Đ2, Lê Thị H và Lê Thị H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0781 ngày 18/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**